

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T PH,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST

Ngày 21-01-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T PH, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa.
2. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2021/TLST-DS, ngày 20 tháng 5 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 384/2021/QĐST-DS, ngày 31 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân Ph H.

Địa chỉ: Thôn A C, xã Ph H, huyện T Ph, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê V T, sinh năm 1973; địa chỉ thôn A C, xã Ph H, huyện T Ph, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 3 năm 2021); có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T N, sinh năm 1954; địa chỉ thôn Định Thiện T, xã Phước Quang, huyện T Ph, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1981;

địa chỉ thôn Định Thiện T, xã Phước Quang, huyện T Ph, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 3 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Văn Tlà người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Ph H trình bày:

Vào ngày 23 tháng 10 năm 2019, bà Nguyễn Thị T N cùng con trai là anh Nguyễn Ngọc C đến Quỹ tín dụng nhân dân Ph H làm đơn xin vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 412/2019-HĐTD, số tiền vay gốc 150.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn 10,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay đầu tư mua bán nhỏ. Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay là quyền sử dụng thửa đất số 124, tờ bản đồ số 31, diện tích 55m² đất ở tại nông thôn và ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện T Ph cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 447427, số vào sổ CH 00126 ngày 03 tháng 02 năm 2015 do bà Nguyễn Thị T N đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; quyền sử dụng đất thửa đất số 42, tờ bản đồ số 17, diện tích 843,1m² đất chuyên trồng lúa nước đã được Ủy ban nhân dân huyện T Ph cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 144990, số vào sổ CH 09068 ngày 28 tháng 7 năm 2011 đứng tên người sử dụng đất là hộ bà Nguyễn Thị T N. Các thửa đất trên đều tọa lạc tại địa chỉ thôn Định Thiện T, xã Phước Quang, huyện T Ph, tỉnh Bình Định.

Sau khi vay số tiền trên, đến ngày 31 tháng 3 năm 2021 bà Nguyễn Thị T N và anh Nguyễn Ngọc C đã trả được 80.000.000 đồng tiền vay gốc nhưng không trả tiền lãi. Nay Quỹ tín dụng nhân dân Ph H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T N và anh Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ trả số tiền 114.045.000 đồng, trong đó 70.000.000 đồng vay gốc và 44.045.000 đồng tiền lãi.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T N và anh Nguyễn Ngọc C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền trên thì Quỹ tín dụng nhân dân Ph H yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi số tiền mà bà Nguyễn Thị T N và anh Nguyễn Ngọc C còn nợ. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T N vắng mặt, nhưng tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 18 tháng 10 năm 2021, bà Nguyễn Thị T N trình bày:

Vào ngày 23 tháng 10 năm 2019 bà cùng với con trai của bà là anh Nguyễn Ngọc C có vay của Quỹ tín dụng nhân dân Ph H số tiền gốc là 150.000.000 đồng, thời hạn vay một năm, lãi suất 10,8%/năm. Sau khi vay tiền xong, đến ngày 31 tháng 3 năm 2021 bà đã trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Ph H số tiền 80.000.000 đồng vay gốc. Do đó, hiện nay bà còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân Ph H 70.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi. Quỹ tín dụng nhân dân Ph H khởi kiện yêu cầu bà và anh Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ trả nợ số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi thì bà đồng ý nhưng hiện nay do bị ảnh hưởng nặng nề đại dịch bệnh COVID-19, kinh

té khó khăn nên bà không có tiền trả ngay cho Quỹ tín dụng nhân dân Ph H, bà xin hện đến ngày 20 tháng 11 năm 2021 bà sẽ trả đủ số nợ gốc và tiền lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân Ph H. Ngoài ra bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc C không nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có yêu cầu gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bà Nguyễn Thị T N và anh Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Ph H số tiền 114.045.000 đồng. Trường hợp bà Nguyễn Thị T N và anh Nguyễn Ngọc C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng trên thì Quỹ tín dụng nhân dân Ph H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi số tiền mà bà Nguyễn Thị T N và anh Nguyễn Ngọc C còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quỹ tín dụng nhân dân Ph H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc C trả nợ tiền vay theo hợp đồng vay tài sản. Do đó quan hệ pháp luật của vụ án dân sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị T N cư trú tại thôn Định Thiện T, xã Phước Quang, huyện T Ph, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị T N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T N và anh Nguyễn Ngọc C.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T N và anh Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy, người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân Ph H và bà Nguyễn Thị T N đều thống nhất vào ngày 23 tháng 10 năm 2019, các bên có xác lập Hợp đồng tín dụng số

412/2019-HĐTD, với nội dung bà Nguyễn Thị T N, anh Nguyễn Ngọc C vay của Quỹ tín dụng nhân dân Ph H số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn 10,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Số tiền vay được giải ngân cùng ngày. Sau khi vay số tiền trên đến ngày 31 tháng 3 năm 2021 bà Nguyễn Thị T N, anh Nguyễn Ngọc C đã trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Ph H số tiền 80.000.000 đồng vay gốc và không trả tiền lãi. Do đó bà Nguyễn Thị T N, anh Nguyễn Ngọc C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì điều khoản của hợp đồng có thỏa thuận về lãi chậm trả nên áp dụng điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng xét xử chấp nhận khoản lãi chậm trả. Tính đến hết ngày 21 tháng 01 năm 2022, bà Nguyễn Thị T N, anh Nguyễn Ngọc C còn nợ của Quỹ tín dụng nhân dân Ph H tổng số tiền 114.045.000 đồng, trong đó nợ gốc 70.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 16.245.000 đồng, nợ lãi quá hạn 25.000.000 đồng, lãi phạt 2.800.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T N xin gia hạn thời gian trả nợ nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ như cam kết. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; bà Nguyễn Thị T N, anh Nguyễn Ngọc C phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ trên cho nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo khoản vay trên thì các bên có ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 118/2019 HĐTC, ngày 22 tháng 10 năm 2019 đã được Ủy ban nhân dân xã Phước Quang, huyện T Ph, tỉnh Bình Định chứng thực ngày 22 tháng 10 năm 2019, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định chi nhánh huyện T Ph đăng ký ngày 23 tháng 10 năm 2019. Hợp đồng thế chấp tài sản trên được các bên giao kết phù hợp với các quy định pháp luật, không có ai tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này. Căn cứ các điều 298, 307, 317, 318, 319, 320 và 322 của Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên phải tuân thủ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó trường hợp bà Nguyễn Thị T N, anh Nguyễn Ngọc C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân Ph H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản thế chấp trên để bảo đảm thu hồi số tiền mà bà Nguyễn Thị T N, anh Nguyễn Ngọc C còn nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T N là người trên 60 tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị T N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Ngọc C phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ của mình. Do đó, căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, anh Nguyễn Ngọc C phải chịu số tiền $[(114.045.000 \text{ đồng} : 2) \times 5\%] = 2.851.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 298, 307, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 4 Điều 13, Điều 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước; Điều 13, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị T N và anh Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Ph H số tiền 114.045.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), trong đó 70.000.000 đồng (Bảy chục triệu đồng) vay gốc, 16.245.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) nợ lãi trong hạn, 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) lãi quá hạn, 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) lãi phạt.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 21 tháng 01 năm 2022) bà Nguyễn Thị T N và anh Nguyễn Ngọc C phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa Ttoán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 412/2019-HĐTD, ngày 23 tháng 10 năm 2019 cho đến khi Ttoán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị T N và anh Nguyễn Ngọc C phải tiếp tục Ttoán cho Quỹ tín dụng nhân dân Ph H theo quyết định của bản án này cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân Ph H.

3. Trường hợp bà Nguyễn Thị T N và anh Nguyễn Ngọc C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân Ph H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng thửa đất số 124, tờ bản đồ số 31, diện tích 55m² đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất thôn Định Thiện T, xã Phước Quang, huyện T Ph, tỉnh Bình Định và ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện T Ph cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 447427, số vào sổ CH 00126 ngày 03 tháng 02 năm 2015 do bà Nguyễn Thị T N đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; quyền sử dụng thửa đất số 42, tờ bản đồ số 17, diện tích 843,1m² đất chuyên trồng lúa nước, địa chỉ thửa đất thôn Định Thiện T, xã Phước Quang, huyện T Ph, tỉnh Bình Định đã được Ủy ban nhân dân huyện T Ph cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 144990, số vào sổ CH 09068 ngày 28 tháng 7 năm 2011 đứng tên người sử dụng đất hộ bà Nguyễn Thị T N để bảo đảm thu hồi số tiền mà bà Nguyễn Thị T N và anh Nguyễn Ngọc C còn nợ của Quỹ tín dụng nhân dân Ph H.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Ngọc C phải chịu số tiền 2.851.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Bà Nguyễn Thị T N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện T Ph hoàn lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Ph H số tiền 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005837, ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T Ph, tỉnh Bình Định.

5. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 21 tháng 01 năm 2022). Bà Nguyễn Thị T N, anh Nguyễn Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện T Ph, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Minh

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Thâm

Nguyễn Vĩnh Mậu

Võ Duy Minh

Bản án số: 31/2022/DS-ST
Ngày: 21-01-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T PH, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.
2. Ông Phạm Thành Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLST-DS, ngày 16 tháng 3 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 385/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Lan, sinh năm 1963; nơi cư trú thôn A C, xã Ph H, huyện T Ph, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Lành, sinh năm 1961; nơi cư trú thôn Quảng Nghiệp, xã Ph H, huyện T Ph, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1965; nơi cư trú thôn Quảng Nghiệp, xã Ph H, huyện T Ph, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Văn Trung, sinh năm 1958; nơi cư trú thôn A C, xã Ph H, huyện T Ph, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- *Người đại diện hợp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn Trung:* Bà Phan Thị Lan, sinh năm 1963; nơi cư trú thôn A C, xã Ph H, huyện T Ph, tỉnh Bình Định đại diện theo uỷ quyền (Theo văn bản uỷ quyền đã được Ủy ban nhân dân xã Ph H, huyện T Ph, tỉnh Bình Định chứng thực); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07 tháng 6 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Lan đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn Trung trình bày: Bà là vợ của ông Dương Văn Trung; vợ chồng bà và vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên có mối quan hệ quen biết nhau. Từ năm 2013 đến năm 2016 vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên vay tiền và vàng của vợ chồng bà nhiều lần để về sửa chữa nhà ở và tổ chức lễ thành hôn cho con; cụ thể trong năm 2013, vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên nhiều lần vay tiền và vàng của vợ chồng bà; Sau đó vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên T toán cho vợ chồng bà một số tiền và vàng gốc. Đến ngày 20 tháng 4 năm 2013 hai bên tính toán lại thì vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên còn nợ của vợ chồng bà số tiền 13.000.000 đồng vay gốc và 02 chỉ vàng 24k vay gốc. Khi vay tiền và vàng, vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên cam kết trong thời hạn vài tháng kể từ thời điểm vay sẽ trả lại cho vợ chồng bà số tiền, số vàng vay gốc và trả tiền lãi theo lãi suất ngân hàng trên số tiền gốc còn nợ nhưng đến nay vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên không thực hiện nghĩa vụ như thoả thuận. Vào ngày 02 tháng 7 năm 2016, vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên tiếp tục vay của vợ chồng bà 86.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K. Vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên cam kết 02 năm sau sẽ trả số tiền và số vàng vay gốc trên cho vợ chồng bà và trả tiền lãi theo lãi suất ngân hàng trên số tiền gốc còn nợ. Khi vay số vàng và số tiền của các lần vay trên thì vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên đều viết giấy vay, giấy nhận nợ; vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên ký xác nhận vào các tờ giấy này. Mặc dù nhiều lần vợ chồng bà yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên có nghĩa vụ trả số tiền và số vàng còn nợ nhưng vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên chỉ hẹn chứ không trả nợ. Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà số tiền 99.000.000 đồng vay gốc và 22 chỉ vàng 24k vay gốc. Bà không yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên trả tiền lãi và lãi vàng. Ngoài ra vợ chồng bà không yêu cầu gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên tham gia tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như không có mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; đối với nguyên đơn bà Phan Thị Lan, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn Trung thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Lan. Căn cứ vào các điều 166, 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Dương Văn Trung, bà Phan Thị Lan số tiền 99.000.000 đồng vay gốc và 22 chỉ vàng 24k vay gốc. Vợ chồng ông Dương Văn Trung, bà Phan Thị Lan không yêu trả tiền lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí mà bà Phan Thị Lan đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phan Thị Lan khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Dương Văn Trung, bà Phan Thị Lan số tiền 99.000.000 đồng vay gốc và 22 chỉ vàng 24k vay gốc. Hội đồng xét xử xét thấy đối với hợp đồng vay tài sản mà các bên xác lập vào năm 2013 thì đến ngày 20 tháng 4 năm 2013 các bên xác định nghĩa vụ còn lại của bên vay tài sản là vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên đối với bên cho vay tài sản là bà Phan Thị Lan. Chứng cứ hợp đồng vay tài sản trên xác định vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên cam kết trả nợ tài sản vay cho bà Phan Thị Lan trong thời hạn vài tháng kể từ thời điểm vay tài sản. Căn cứ Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Tính đến thời điểm bà Phan Thị Lan khởi kiện thì thời hiệu

khởi kiện của hợp đồng vay tài sản trên đã hết. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 155 của Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu. Đối với hợp đồng vay tài sản mà các bên xác lập ngày 02 tháng 7 năm 2016 thì nội dung của hợp đồng mà các bên xác lập không có thời hạn vay. Do đó quan hệ pháp luật của vụ án dân sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với hợp đồng vay tài sản ngày 02 tháng 7 năm 2016 và tranh chấp đòi lại tài sản đối với hợp đồng vay tài sản năm 2013 nên vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên cư trú tại thôn Quảng Nghiệp, xã Ph H, huyện T Ph, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Dương Văn Trung là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[3] Nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Phan Thị Lan khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Phan Thị Lan, ông Dương Văn Trung số tiền 99.000.000 đồng vay gốc và 22 chỉ vàng 24k vay gốc còn nợ; không yêu cầu trả tiền lãi và lãi vàng. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên đã được Tòa án tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án. Chứng cứ là giấy xác nhận nợ ngày 20 tháng 4 năm 2013 và “*giấy mượn tiền và vàng*” ngày 02 tháng 7 năm 2016 do nguyên đơn cung cấp chứng minh trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2016 vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên nhiều lần vay tài sản là tiền và vàng của vợ chồng bà Phan Thị Lan, ông Dương Văn Trung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó có căn cứ xác định vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên có vay và hiện nay còn nợ vợ chồng ông Dương Văn Trung, bà Phan Thị Lan số tiền 99.000.000 đồng vay gốc và 22 chỉ vàng 24k vay gốc.

[4] Hợp đồng vay tài sản sản mà các bên xác lập là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, nhưng các bên không xác định rõ lãi suất. Vợ chồng ông Dương Văn Trung, bà Phan Thị Lan không yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên trả tiền lãi và lãi vàng; vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà

Nguyễn Thị Liên không ý kiến gì đối với việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xét về lãi suất.

[5] Từ các chứng cứ mà các đương sự cung cấp và những chứng cứ Tòa án đã thu thập được, căn cứ vào Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc vợ chồng Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên có nghĩa vụ trả vợ chồng ông Dương Văn Trung, bà Phan Thị Lan số tiền 99.000.000 đồng vay gốc và 22 chỉ vàng 24k vay gốc.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn vợ chồng Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên phải chịu số tiền $[99.000.000 \text{ đồng} + (22 \text{ chỉ vàng } 24k \times 5.000.000 \text{ đồng/chỉ})] \times 5\% = 10.450.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chi cục thi hành án dân sự huyện T Ph, tỉnh Bình Định hoàn trả lại cho bà Phan Thị Lan số tiền tạm ứng án phí mà bà Phan Thị Lan đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 166, 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Lan.
2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Dương Văn Trung, bà Phan Thị Lan số tiền 99.000.000 đồng (Chín mươi chín triệu đồng) vay gốc và 22 (Hai mươi hai) chỉ vàng 24k vay gốc.
3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.
4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Lành, bà Nguyễn Thị Liên phải nộp số tiền 10.450.000 đồng (Mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Chi cục thi hành án dân sự huyện T Ph, tỉnh Bình Định hoàn trả lại cho bà Phan Thị Lan số tiền tạm ứng án phí 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001030 ngày 15 tháng 3 năm 2021 và số tiền tạm ứng án phí 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0005858 ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T Ph, tỉnh Bình Định mà bà Phan Thị Lan đã nộp.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 21 tháng 01 năm 2022). Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện T Ph, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Minh

